

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/KDTM-ST
Ngày 30 tháng 7 năm 2020.
V/v “Tranh chấp HĐ tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ma Thị Nghị

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: Nguyễn Thị Tuyết

2. Ông: Đoàn Hùng Tự

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại Hội trường xét xử dân sự Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2020/TLST- DSTC, ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QDST-KDTM ngày 30/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QDST-KDTM ngày 15/7/2020 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Quĩ tín dụng nhân dân B - Thành phố H.

Địa chỉ: Số 273, đường N, tổ 7, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Ninh Quốc C, chức vụ: Giám đốc, (có mặt).

2. **Bị đơn:** BàTrần Thị H; Địa chỉ: Tổ 8, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang,(vắng mặt).

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông: Vũ Hồng S; Địa chỉ: Tổ 8, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang,(vắng mặt).

- Bà :Vũ Thị T; Địa chỉ: Tổ 8, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang,(vắng mặt có lý do).

- Ông :Hoàng Văn L; Địa chỉ: Tổ 8, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang,(vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/01/2020 và quá trình tố tụng nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân B - thành phố H đại diện theo pháp luật ông Ninh Quốc C trình bày: Ngày 30/7/2012 quỹ tín dụng nhân dân B và bàTrần Thị H cùng ký hợp đồng tín dụng số 2012-1-00059 theo nội dung của hợp đồng quỹ tín dụng cho bà H vay số tiền 800.000.000,đ(Tám trăm triệu đồng). Nhưng khi giải ngân bà H vay số tiền 780.000.000,đ (Bảy trăm tám mươi triệu đồng). Thời hạn vay 12 tháng mục đích vay để kinh doanh ga và bếp ga. Khoản vay của bà H đã bảo đảm bằng thế chấp tài sản của bên thứ 3 là ông Hoàng Văn L, bà Vũ Thị T. Tài sản bảo đảm có hợp đồng thế chấp tài sản số 2011-36 ngày 12/5/2011 là quyền SD đất và tài sản trên đất theo giấy CNQSD đất số I 563358 cấp ngày 16/01/1997 tại tổ 8, phường N, TP Hà Giang diện tích 89,6m² và nhà xây cấp 4 hai tầng trị giá 1.000.000.000,đ (Một tỷ đồng). Sau khi vay bà H đã trả được một phần gốc 52.000.000,đ (Năm mươi hai triệu đồng). Còn nợ số tiền gốc 728.000.000,đ (Bảy trăm hai mươi tám triệu đồng), lãi trong hạn và lãi quá hạn là 1.859.321.100 đ (Một tỷ tám trăm năm mươi chín triệu ba trăm hai mươi một nghìn một trăm đồng) tổng số tiền bà H còn nợ gốc và lãi tính đến ngày 15/01/2020 còn nợ 2.587.321.100,đ (Hai tỷ năm trăm tám mươi bảy triệu ba trăm hai mươi một nghìn một trăm đồng). Ngày 04/5/2020 bà T tự nguyện trả thay cho bà H cho Quỹ số tiền gốc 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng); ngày 10/6/2020 bà T tự nguyện trả tiếp số tiền gốc còn nợ là 328.000.000,đ(Ba trăm hai mươi tám triệu đồng). Hiện nay số tiền lãi bà H còn nợ tính đến ngày 10/6/2020 là 1.949.204.400,đ (Một tỷ chín trăm bốn mươi chín triệu hai trăm linh bốn nghìn bốn trăm đồng). Trong thời gian giải quyết tại Tòa án bà T ra Quỹ Tín dụng xin thỏa thuận mong muốn để trả số tiền gốc cho Quỹ và lấy chứng nhận QSD đất đã thế chấp về. phía Quỹ Bảo tín đồng ý và cho bà T tự nguyện trả nợ thay số tiền gốc của bà H còn nợ gốc như đã cam kết với quỹ nay bà T đã tự nguyện trả xong phần gốc cho bà H do vậy quỹ đã chuyển trả lại giấy chứng nhận QSD đất cho bà Thư vào ngày 10/6/2020. Ngày 11/6/2020 Quỹ rút một phần yêu cầu đối với bà H là không đề nghị giải quyết đối với khoản bà H nợ gốc là 728.000.000,đồng nữa, đồng thời quỹ đã trả lại giấy chứng nhận cho bà T xong không đề nghị đối với hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 2011-36/HĐTC ngày 12/5/2011 nữa vì đã trả lại giấy cho bà T xong ngày 10/6/2020. Chỉ đề nghị bà H trả khoản lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 10/6/2020 đối với bà H là 1.949.204.400,đ (Một tỷ chín trăm bốn mươi chín triệu hai trăm linh bốn nghìn bốn trăm đồng).

* Bị đơn bàTrần Thị H; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Hồng S trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bà H, ông S đến Tòa án để giải quyết vụ án theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp nhưng qua xác minh tại tổ 8, phường N, thành phố H cung cấp hiện nay bà H đã đi khỏi nơi cư trú không có mặt tại địa bàn từ 5 năm trở lại đây. Còn ông S thỉnh thoảng có về nhưng hiện tại cũng không có mặt tại địa bàn. Việc bà H, ông S đi đâu, làm gì ở đâu không thông báo cho tổ trưởng và Công an quản lý địa bàn biết nên hiện tại tổ không nắm được và không biết hiện nay bà H, ông S đang ở đâu. Tòa án nhân dân thành phố H đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định và tiến hành giải quyết, xét xử theo quy định chung

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị T, ông Hoàng Văn L xác nhận: Vợ chồng ông bà có cho vợ chồng bà H, ông S mượn sổ đỏ để vay Quỹ tín dụng nhân dân B làm ăn nhưng đến nay vợ chồng H, S do làm ăn thua lỗ chưa trả được cho Quỹ. Quá trình vay vợ chồng bà T, ông L có làm hợp đồng thế chấp tài sản của người thứ ba để bảo đảm thế chấp khoản vay cho bà H vào ngày 12/5/2011. Đến ngày 04/5/2020 bà có ra Quỹ thỏa thuận trả nợ thay khoản vay cho bà H và trả được 400.000.000đ, (Bốn trăm triệu đồng). Ngày 10/6/2020 bà T tự nguyện trả thay tiếp cho bà H phần gốc còn nợ lại 328.000.000,đ (Ba trăm hai mươi tám triệu đồng), tổng cộng bà T trả nợ thay bà H cho Quỹ tín dụng nhân dân Bảo Tín thành phố H số tiền gốc là 728.000.000,đồng (Bảy trăm hai mươi tám triệu đồng). Đối với giấy chứng nhận QSD đất và tài sản gắn liền trên đất theo hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 2011-36/HĐTC ngày 12/5/2011 bà Thư đã nhận lại đầy đủ vào ngày 10/6/2020. Đối với khoản tiền gốc 728.000.000,đ (Bảy trăm hai mươi tám triệu đồng) này bà T tự nguyện trả cho Quỹ thay bà H, bà T không có ý kiến đề nghị gì đối với bà H trong vụ án này. Do quá trình giải quyết vụ án bà T, ông L xét thấy không liên quan đến phần giải quyết tiếp theo của bà H tại các phiên tòa. Bà T, ông L có đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm rút một phần yêu cầu khởi kiện, không đề nghị Tòa án giải quyết đối với khoản nợ gốc của bà H và không yêu cầu đối với hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba là bà T, ông L vì đã tự giải quyết xong ngày 10/6//2020 đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà H trả khoản lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn còn nợ từ ngày 17/8/2012 đến ngày 10/6/2020 cho Quỹ Tín dụng nhân dân B, thành phố H là 1.949.204.400 đồng (Một tỷ chín trăm bốn mươi chín triệu hai trăm linh bốn nghìn bốn trăm đồng).

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trần Thị H không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Quá trình giải quyết vụ án bà H vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa mặc dù được Tòa án tổng đạt thông báo và niêm yết hợp lệ vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 BLTTDS. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Hồng S vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa mặc dù được Tòa án tổng đạt thông báo và niêm yết hợp lệ, vi phạm khoản 15, 16 Điều 70, Điều 73 BLTTDS. Bà Vũ Thị Thư, ông Hoàng Văn Long có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 144, 147, khoản 2 Điều 244, điểm b, khoản 3 Điều 228 BLTTDS. Các Điều 280, 282, 357, 463, 466 BLDS năm 2015; khoản 2 Điều 244 BLTTDS, Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối

với khoản nợ gốc đối với bà H và phần yêu cầu đối với hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ 3 bà T, ông L.

Buộc bà H phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền lãi còn nợ của hợp đồng tín dụng số 2012-1-00059 ngày 30/7/2012 số tiền lãi còn nợ tính đến ngày 10/6/2020 là 1.949.204.400 đồng (Một tỷ chín trăm bốn mươi chín triệu hai trăm linh bốn nghìn bốn trăm đồng).

- Về án phí: Buộc bà Trần Thị H phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Quỹ B không phải chịu tiền án phí và trả lại tiền tạm ứng án phí Quỹ Bảo tín đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Người khởi kiện yêu cầu buộc người vay tiền phải trả khoản nợ đã vay theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết và nguyên đơn đã chọn khởi kiện tại nơi Tòa án nơi thực hiện hợp đồng tín dụng. Vì vậy xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là Tranh chấp Hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Tại các biên bản xác minh địa chỉ của bị đơn bà H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông S của Tòa án nhân dân thành phố H tại tổ dân phố tổ 8, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang đã xác định: Bà Trần Thị H, ông Vũ Hồng S có địa chỉ cư trú tại: Tổ 08, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang hiện nay hộ khẩu của bà H, ông S vẫn ở địa chỉ trên nhưng bà H, ông S đã bỏ đi khỏi nơi cư trú và cố tình giấu địa chỉ, không báo cho Quỹ tín dụng nhân dân B, thành phố H cũng như chính quyền địa phương biết. Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của bà H, ông S nhưng bà H, ông S không đến tham gia tố tụng. Đối với bà T, ông L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung: Ngày 30/7/2012 quỹ tín dụng nhân dân B, thành phố H và bà Trần Thị H cùng ký hợp đồng tín dụng số 2012-1-00059 theo nội dung của hợp đồng quỹ tín dụng cho bà H vay số tiền 800.000.000,đ (Tám trăm triệu đồng), nhưng khi giải ngân bà H vay số tiền 780.000.000,đ (Bảy trăm tám mươi triệu đồng). Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay 1,95%/tháng, mục đích vay để kinh doanh ga và bếp ga. Khoản vay của bà H đã bảo đảm bằng thế chấp tài sản của bên thứ 3 là ông Hoàng Văn L, bà Vũ Thị T. Tài sản bảo đảm có hợp đồng thế chấp tài sản số 2011-36 ngày 12/5/2011 là quyền SD đất và tài sản trên đất theo giấy CNQSD đất số I 563358 cấp ngày 16/01/1997 tại tổ 8, phường N, TP Hà Giang diện tích 89,6m² và nhà xây cấp 4 hai tầng trị giá 1 tỷ đồng. Sau khi vay bà H đã trả được một phần gốc 52 triệu gốc. Còn nợ 728 triệu gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn là 1.859.321.100 đồng, tổng số tiền bà H còn nợ gốc và lãi tính đến ngày 15/01/2020 còn nợ 2.587.321.100 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà H đã vi phạm cam kết về việc trả nợ với quỹ tín dụng nhân dân B, thành phố H và để phát

sinh nợ quá hạn từ ngày 17/8/2012, phía Quỹ B đã đồn đốc bà H đến làm việc giải quyết khoản nợ nhưng bà H không hợp tác và đã bỏ đi khỏi nơi cư trú.

[3.1] Đối với khoản nợ gốc số tiền bà H còn nợ 728.000.000,đ (Bảy trăm hai mươi tám triệu đồng) và hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 2011-36/HĐTC ngày 12/5/2011 giữa bên nhận thế chấp quỹ tín dụng nhân dân B thành phố H; đại diện theo pháp luật ông Ninh Quốc C, bên vay vốn bà Trần Thị H, ông Vũ Hồng S; bên thế chấp bà Vũ Thị T, ông Hoàng Văn L. Trong thời gian giải quyết tại Tòa án bà T ra Quỹ Tín dụng nhân dân B xin thỏa thuận mong muốn để trả số tiền nợ gốc thay bà H cho Quỹ và lấy chứng nhận QSD đất đã thế chấp về. Phía Quỹ tín dụng nhân dân B đồng ý và cho bà T tự nguyện trả nợ thay số tiền gốc của bà H còn nợ gốc như đã cam kết với quỹ nay bà T đã tự nguyện trả xong phần nợ gốc cho bà H làm hai lần vào ngày 04/5/2020 là 400.000.000,đồng và ngày 10/6/2020 trả 328.000.000 đồng. Do vậy quỹ đã chuyển trả lại giấy chứng nhận QSD đất cho bà T vào ngày 10/6/2020. Ngày 11/6/2020 Quỹ tín dụng nhân dân B rút một phần yêu cầu đối với bà H là không đề nghị giải quyết đối với khoản bà H nợ gốc là 728.000.000,đồng nữa, đồng thời quỹ đã trả lại giấy chứng nhận cho bà T xong không đề nghị đối với hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 2011-36/HĐTC ngày 12/5/2011 nữa vì đã trả lại giấy cho bà T xong ngày 10/6/2020. Chỉ đề nghị bà H trả khoản lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 10/6/2020 đối với bà H là 1.949.204.400,đ (Một tỷ chín trăm bốn mươi chín triệu hai trăm linh bốn nghìn bốn trăm đồng). Xét phía Quỹ Bảo Tín rút một phần yêu cầu khởi kiện là khoản nợ gốc của bà H và hợp đồng thế chấp số 2011-36 ngày 12/5/2011 đối với người thứ 3 là tự nguyện. Do vậy HĐXX đình chỉ giải quyết đối với khoản nợ gốc và hợp đồng thế chấp số 2011-36 ngày 12/5/2011, không xem xét giải quyết nữa.

Đối với khoản tiền gốc 728.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi tám triệu đồng) này bà T tự nguyện trả cho Quỹ thay bà H, bà T không có ý kiến đề nghị gì đối với bà H trong vụ án này, nên HĐXX không xem xét giải quyết. Nếu có phát sinh tranh chấp với bà H thì bà T có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[3.2] Đối với khoản nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn bà H còn nợ tính từ ngày 17/8/2012 đến ngày 10/6/2020 là 1.949.204.400,đ (Một tỷ chín trăm bốn mươi chín triệu hai trăm linh bốn nghìn bốn trăm đồng). Quỹ tín dụng nhân dân B thành phố H đề nghị buộc bà H có trách nhiệm phải trả số tiền nợ lãi còn nợ. Xét thấy căn cứ hợp đồng tín dụng số 2012-1-00059, ngày 30/7/2012 bà H ký hợp đồng tín dụng vay tiền, ông S không ký đồng trách nhiệm trả nợ mà ký người thừa kế. Bà H, ông S đều đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, bà H trốn tránh trách nhiệm trả nợ, không báo cho Quỹ B biết nơi cư trú mới. Bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết, Quỹ tín dụng nhân dân B yêu cầu bị đơn trả nợ khoản lãi theo hợp đồng tín dụng số 2012-1-00059, ngày 30/7/ 2012 còn nợ lãi suất trong hạn, lãi suất có hạn tính từ ngày ngày 17/8/2012 đến ngày 10/6/2020 là 1.949.204.400 đồng (Một tỷ chín trăm bốn mươi chín triệu hai trăm linh bốn nghìn bốn trăm đồng) là có căn cứ theo quy định tại Điều 280, 282, 283, 357, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 cần buộc bà H trả nợ khoản lãi trên.

[4] Về án phí: Bị đơn bàTrần Thị H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch số tiền 70.476.132 đồng (Bảy mươi triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm ba mươi hai đồng) theo quy định tại Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; ý d mục 1.4 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều, 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, 282, 283, 357, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 3, Điều 228; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ý d mục 1.4 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân B thành phố H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bàTrần Thị H (Về khoản nợ gốc và hợp đồng thế chấp tài sản với người thứ 3)

Đình chỉ giải quyết về phần nợ gốc số tiền 728.000.000 đồng giữa Quỹ tín dụng nhân dân B thành phố H với bàTrần Thị H theo hợp đồng tín dụng số 2012-1-00059, ngày 30/7/2012 và hợp đồng thế chấp số 2011-36 ngày 12/5/2011 giữa Quỹ tín dụng nhân dân B thành phố H với bà Vũ Thị T, ông Hoàng Văn L và bàTrần Thị H, ông Vũ Hồng S.

2. Chấp nhận yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân B thành phố H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bàTrần Thị H (Về khoản nợ lãi).

Tuyên xử: Buộc bàTrần Thị H Địa chỉ: Tổ 08, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân B thành phố H, số tiền nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn là 1.949.204.400 đồng (Một tỷ chín trăm bốn mươi chín triệu hai trăm linh bốn nghìn bốn trăm đồng) khoản nợ lãi vay theo hợp đồng tín dụng số 2012-1-00059 ngày 30/7/2012.

3. Về án phí: BàTrần Thị H phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 70.476.132 đồng (Bảy mươi triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm ba mươi hai đồng)

Trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân B thành phố H số tiền tạm ứng án phí 54.573.000,đ (Năm mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn đồng) đã nộp (Bùi Phú Tùng nộp tiền) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số 01496 ngày 11/02/2020.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi

hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự: Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho nguyên đơn có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết có kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án và niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSNDTPH;
- TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- C.C THATPH;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Thị Nghị